

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2019/DS-ST

Ngày: 26-11-2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Lâm Sơn.

Ông Trương Phước Công.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới: Bà Đoàn Thụy Thùy T1 – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 529/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Trần Thị Kim C, sinh năm: 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: bà Từ Thị N, sinh năm: 1948 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

2. Chị Bùi Thị T11, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp M, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà C trình bày: trước đây bà có làm chủ dây hội 5.000.000 đồng/tháng, hội khai ngày 18/10/2015 (âm lịch), dây hội gồm 18 hội viên, mỗi tháng khai hội 01 lần. Bà N vô 02 phần (trong Giấy hội bà và bà N thống nhất ghi tên người chơi hội là T – tên con trai của bà N, việc ghi tên T là theo yêu cầu của bà N), bà N là người trực tiếp đi khai hội và đóng hội. Đến lần

thứ 2 là ngày 18/12/2015 (âm lịch) bà N bỏ hui 950.000 đồng nên được hót hui với số tiền 64.200.000 đồng (trong đó đã trừ tiền huê hồng), bà trực tiếp giao tiền cho bà N và bà N ký tên vào biên nhận, nhận tiền hui. Đến lần thứ 5 là ngày 18/3/2016, bà N tiếp tục bỏ hui 920.000 đồng nên được hót hui với số tiền 50.460.000 đồng (trong đó đã trừ tiền huê hồng và 01 phần hui chết của bà N), lần này bà cũng trực tiếp giao tiền cho bà N và bà N ký tên vào biên nhận, nhận tiền hui. Sau đó, bà N có đóng hui chết nhiều lần và còn nợ lại 08 lần hui chết của 02 phần hui với tổng số tiền 80.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà N trả cho bà số tiền hui còn nợ 80.000.000 đồng. Bà không biết T và T1, việc giao dịch hui bà chỉ trực tiếp thỏa thuận với bà N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Từ Thị N trình bày: bà là mẹ ruột của T và là mẹ chồng của T1, đây hui do bà C làm chủ hui do T1 tham gia chơi hui, bà chỉ biết T1 có tham gia chơi hui nhưng không biết T1 tham gia bao nhiêu phần và biết được T1 gửi tiền đóng hui cho bà C thông qua việc gửi tiền qua thẻ ATM. Việc bà ký tên vào biên nhận nhận tiền hui là do T1 điện thoại cho bà nhờ bà nhận tiền hui dùm và số tiền này bà đã đưa lại cho T1. Nay bà C yêu cầu bà trả số tiền 80.000.000 đồng bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T, chị Bùi Thị T1 đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T, chị T1 vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến của anh, chị đối với yêu cầu khởi kiện của bà C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Đối với nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim C, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Bà Từ Thị N, từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn T, chị Bùi Thị T1, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: hợp đồng hui giữa bà C với bà N xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, được thể hiện bằng giấy giao hui do chính bà C lập, có chữ ký nhận tiền của bà N nhưng phía bà N cho rằng chỉ ký tên vào giấy giao hui do bà C nhờ ký nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh và do bà N vi phạm nghĩa vụ của hui viên châu hui lại sau khi hót hui nên việc bà C yêu cầu trả 80.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự, xem xét:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim C.
- Buộc bà Từ Thị N trả bà Trần Thị Kim C 80.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Trần Thị Kim C khởi kiện bà Từ Thị N. Bà Từ Thị N có nơi cư trú tại ấp M, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Từ Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T, chị Bùi Thị T1 đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N, anh T, chị T1.

- Về nội dung:

[3] Tại Giấy hội có kèm theo danh sách hội viên ngày 18/10/2015 (âm lịch) ghi tên T là thành viên góp hội, tuy nhiên căn cứ vào lời khai của bà N thừa nhận có đi khai hội và hốt hội, lời khai của bà C xác nhận người trực tiếp tham gia chơi hội là bà N, các biên nhận tiền hội có chữ viết của bà N với nội dung “*có nhận N*” nên có cơ sở xác định mặc dù trong Giấy hội ghi tên T tham gia góp hội nhưng người trực tiếp tham gia chơi hội là bà N. Như vậy, giữa bà C, bà N với các thành viên trong đây hội có tham gia hợp đồng hội, đây là hội hưởng hoa hồng với số tiền 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 18/10/2015 (âm lịch), gồm 18 hội viên. Việc thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên đây là hợp đồng hợp pháp làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

Xét thấy, giao dịch giữa các đương sự là hội hưởng hoa hồng nên khi thành viên hốt hội thì có nghĩa vụ đóng tiền hội ở những kỳ còn lại. Bà C đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền hội cho bà N như đã thỏa thuận ở kỳ khai hội thứ 2 với số tiền 50.460.000 đồng và kỳ khai hội thứ 5, với số tiền 64.200.000 đồng theo các biên nhận có chữ viết của bà N với nội dung “*có nhận N*” và chữ ký của bà N. Mặc dù bà N không thừa nhận ký biên nhận, nhận số tiền 64.200.000 đồng nhưng căn cứ kết luận giám định số 68/KLGD – PC54 ngày 30/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang xác định chữ ký, chữ viết trên 02 tờ biên nhận là do cùng một người ký ra. Do đó, xác định bà N là người trực tiếp khai hội và nhận tiền hội từ bà C.

Bà N cho rằng việc chơi hội là do chị T1 (con dâu bà) tham gia, bà chỉ ký nhận tiền dùm và giao lại tiền cho T1 nhưng ngoài lời khai thì bà N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh T1 là người chơi hội và đóng hội chết cho bà C. Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 28/8/2019 và ngày 06/9/2019 thể hiện nội dung anh T, chị T1 có đăng ký hộ khẩu tại ấp M, xã A, huyện C, tỉnh An Giang nhưng ngày 20/5/2015 thì đã cắt hộ khẩu và chuyển đến Kiên Giang, không rõ

địa chỉ cụ thể ở Kiên Giang. Hui khai ngày 18/10/2015 (âm lịch) là sau thời điểm anh T, chị T1 chuyển đi nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét nội dung trình bày của bà N. Đối với việc bà N cho rằng đã giao tiền hui lại cho chị T1, đây là giao dịch dân sự khác, bà N có thể khởi kiện chị T1 bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Bà N có trả nhiều lần và còn nợ lại tiền hui 80.000.000 đồng. Xét thấy do bà N đã vi phạm nghĩa vụ của hui viên và bà C yêu cầu bà N trả số tiền hui còn nợ 80.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 429, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí giám định và án phí: do yêu cầu của bà Trần Thị Kim C được chấp nhận nên bà Từ Thị N phải chịu chi phí giám định và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim C.

- Buộc bà Từ Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim C số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

- Về chi phí giám định: bà Từ Thị N phải chịu 1.275.000 đồng, bà Trần Thị Kim C đã nộp tạm ứng số tiền trên. Do đó, bà Từ Thị N có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Trần Thị Kim C số tiền 1.275.000 đồng (*Một triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Từ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

- Bà Trần Thị Kim C được nhận lại 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013819 ngày 20/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Trần Thị Kim C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Từ Thị N, anh Trần Văn T, chị Bùi Thị T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh AG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Diệu Tiên